

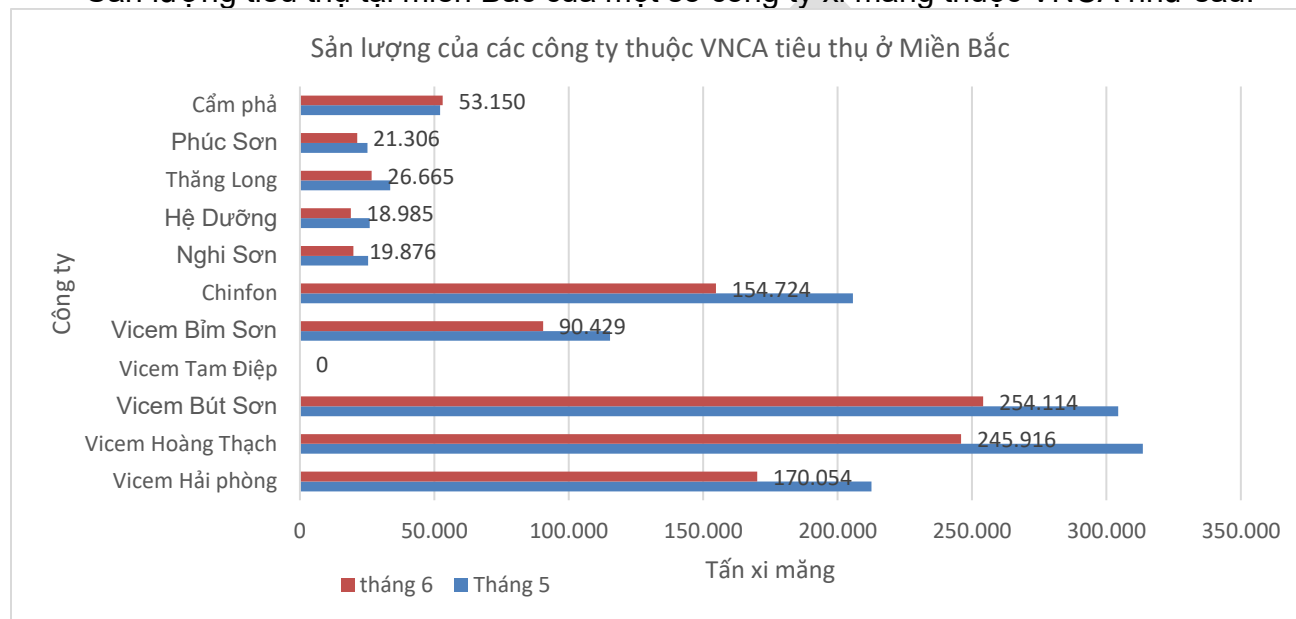
TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 6/2020

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thi trường xi măng miền Bắc:

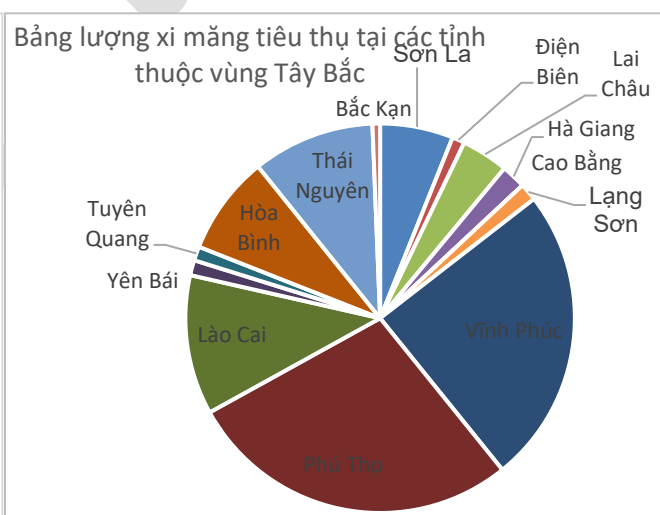
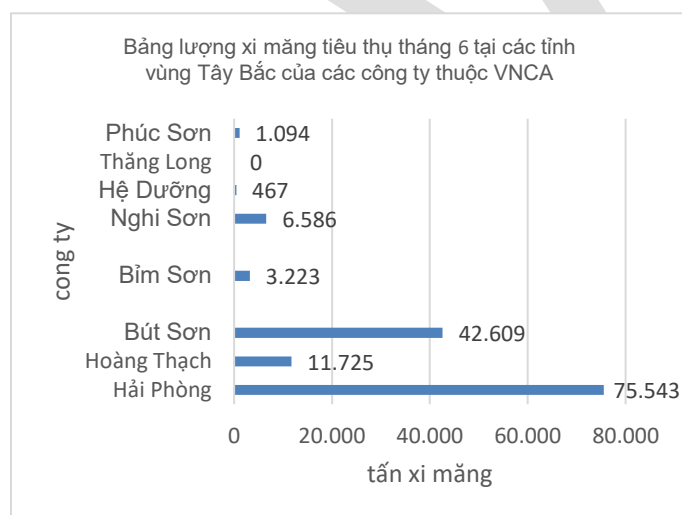
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 6/2020 là: 2.098.218 tấn (tháng 5 là 2.391.879 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

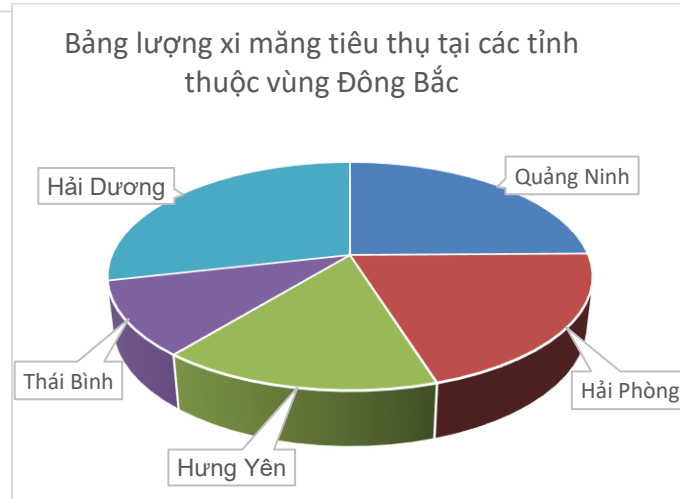
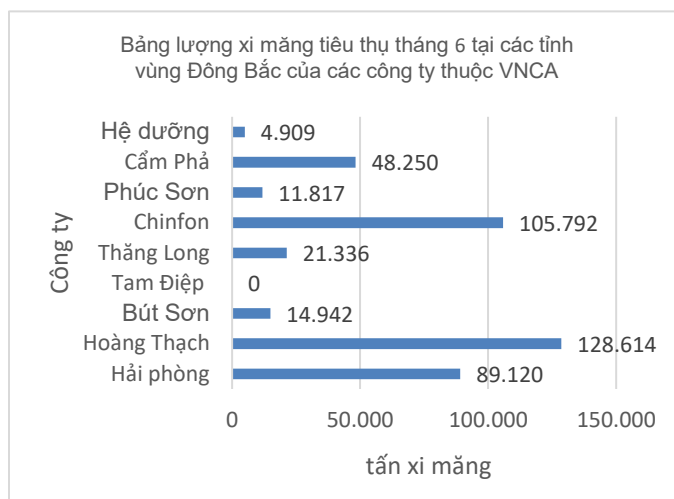


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 6/2020 như sau:

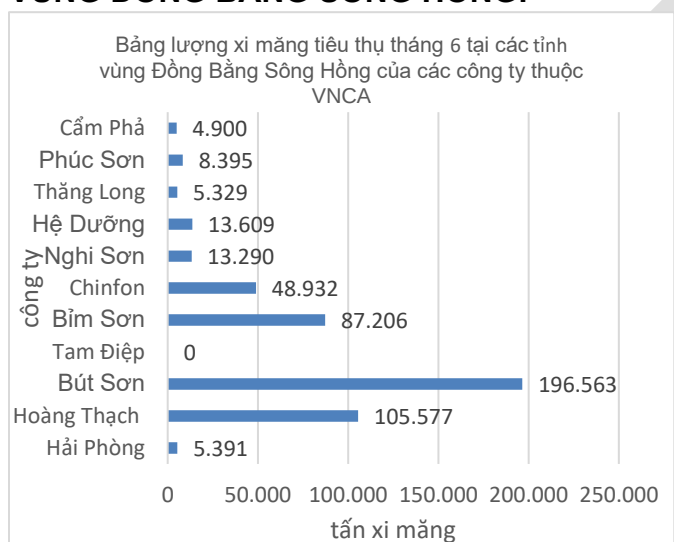
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình:

- XM ChinFon: 1.500
- XM Bút Sơn: 1.410

3. Tại Lạng Sơn:

- XM Phúc Sơn: 1.300
- XM Chinfon: 1.400
- XM Hoàng Thạch: 1.440
- XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.240
- XM Quang Sơn: 1.270
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.400
- XM Phúc Sơn: 1.290
- XM Chin Fon: 1.400
- XM Lam Thạch: 1.200
- XM Thăng Long PCB 40: 1.350
- XM Hạ Long PCB 40: 1.360
- XM Cầm phả PCB 40: 1.300

6. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.430
- XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.450

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.420 - *Hoàng Thạch: 1.420*

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.400	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bỉm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.440

13. Tai Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.430 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bỉm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

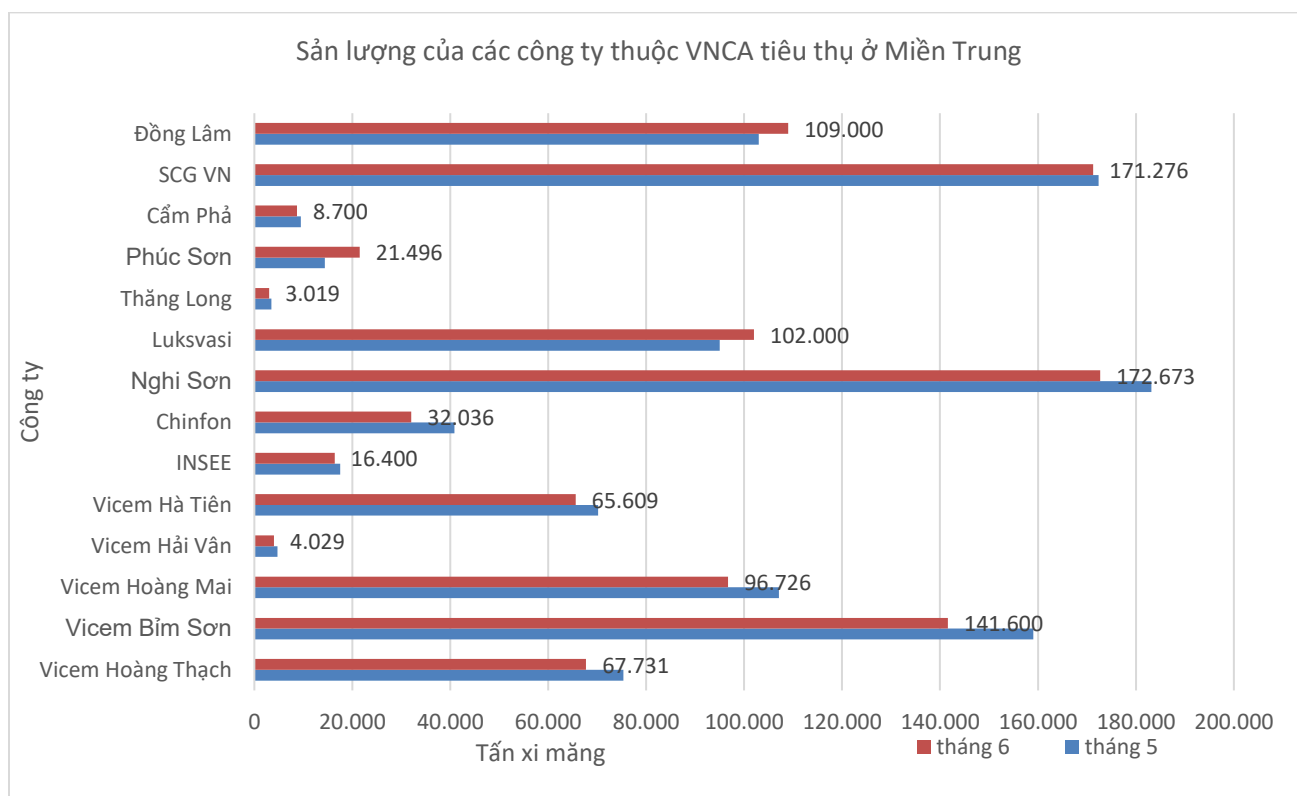
15. Tai Hải phòng: - XM Chin Fon: 1.470 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thị trường xi măng miền Trung:

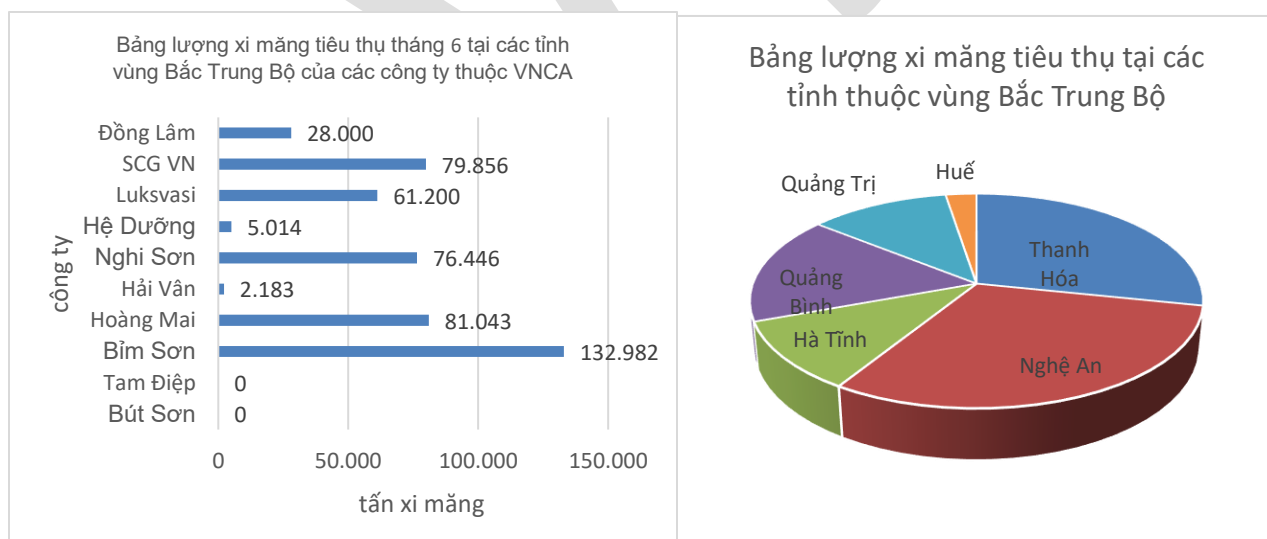
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 6/2020: 1.329.609 tấn (tháng 5 là 1.390.751 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

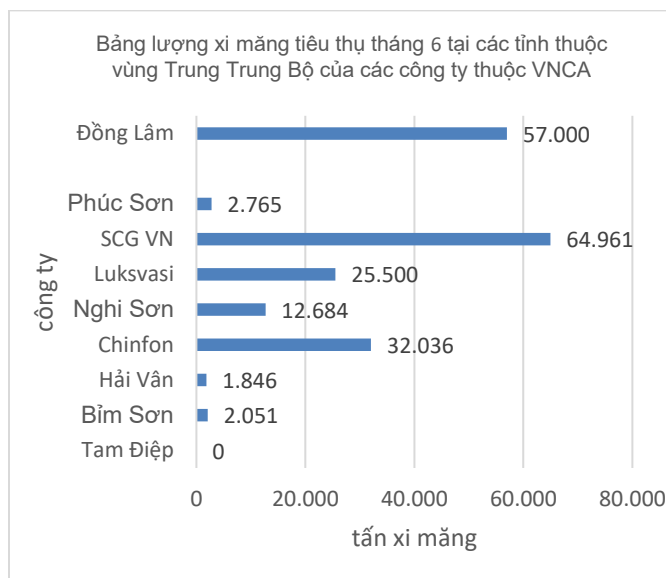


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 6/2020 như sau:

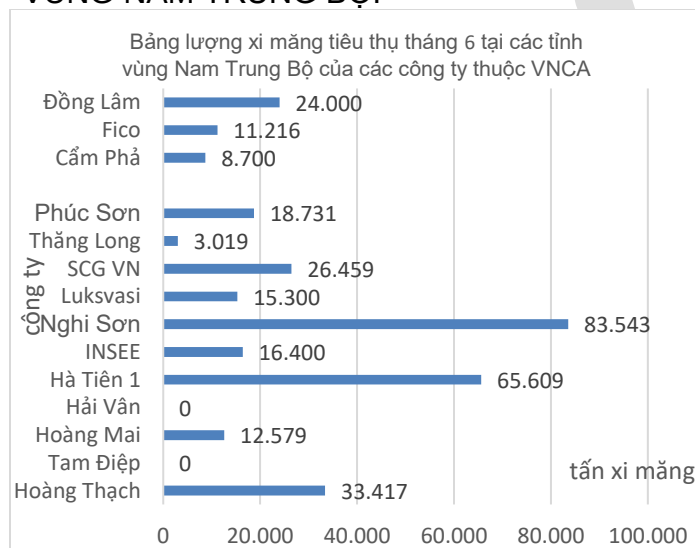
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ



VÙNG NAM TRUNG BỘ:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350

- XM Hoàng Mai PCB 40 : 1.360

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100

- XM Quảng Trị: 980

- XM Sông Gianh: 1.360

-Phúc sơn: 1.340

- XM Luks VN PCB 40: 1.300

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng:**

- XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480

- XM luks VN PCB 40: 1.520

-ChinFon: 1.520

*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830

- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730

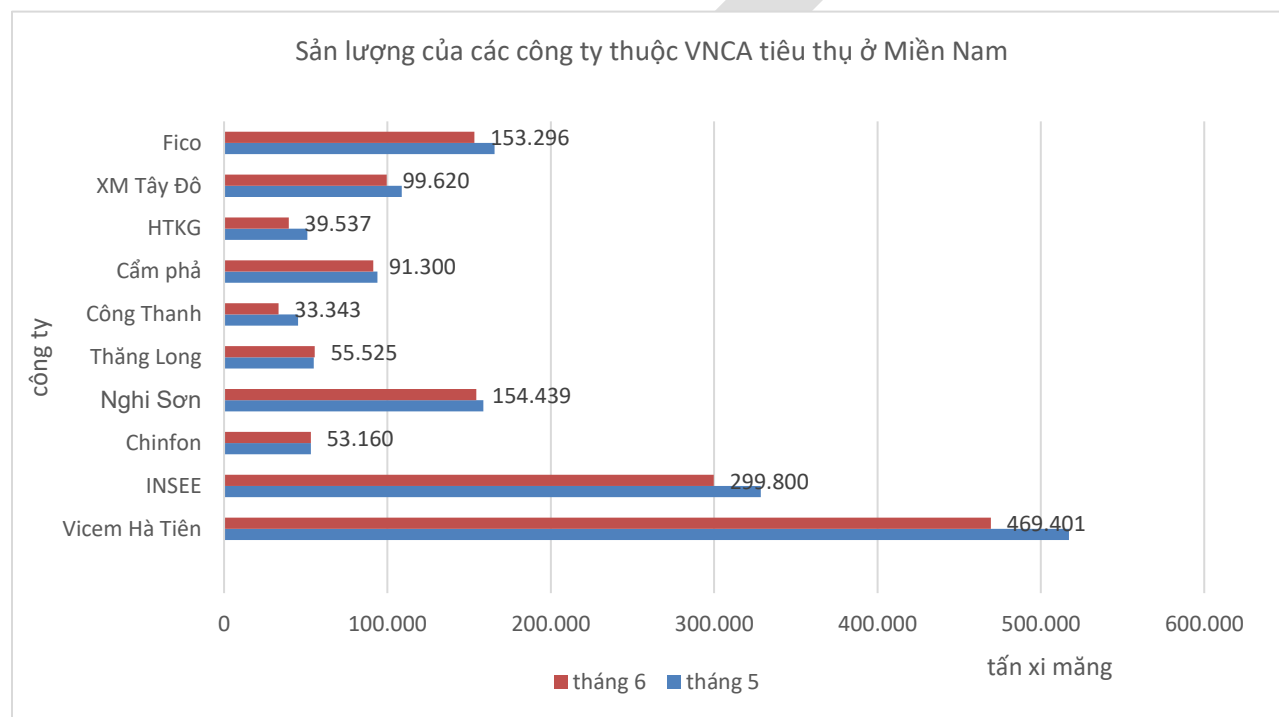
- XM Thăng Long 1.730

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

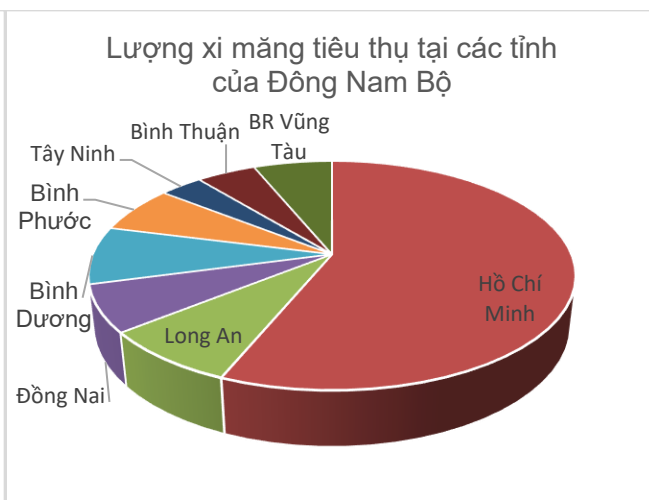
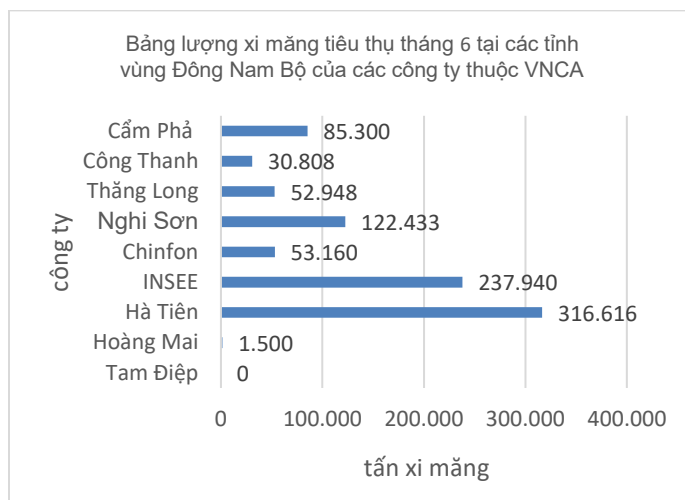
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.787.561 tấn (tháng 5 là 1.898.253 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

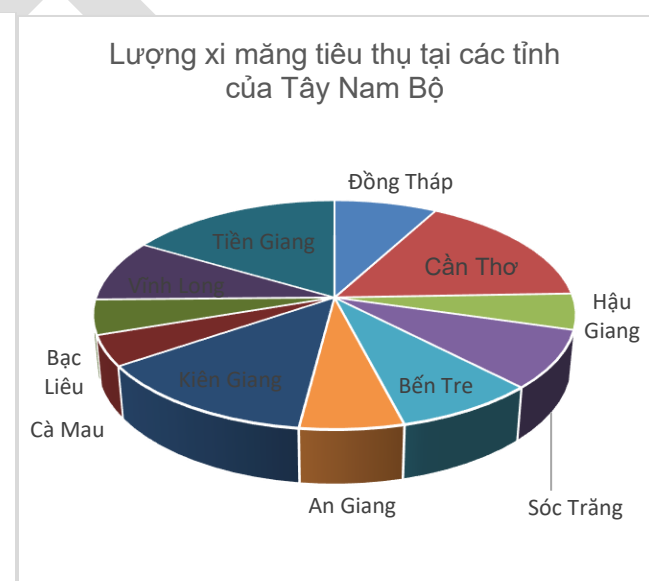
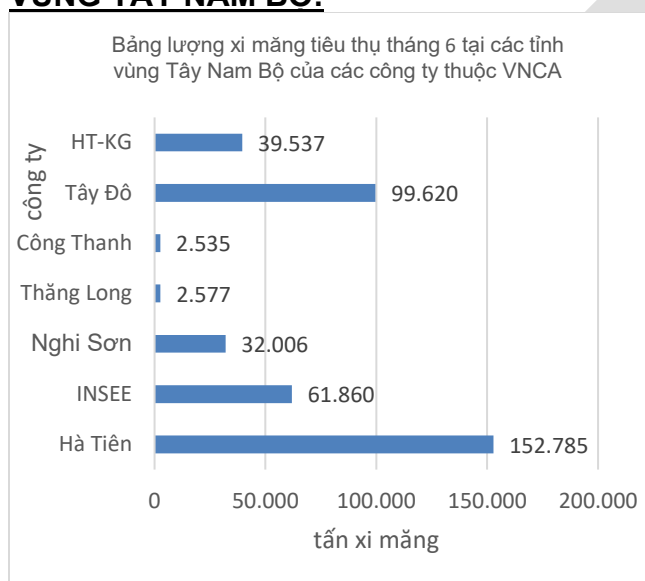


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 6/2020 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChínFon :1.560
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
- XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290
- PCB 40: 1.390

Nhận xét chung thi trường nội địa:

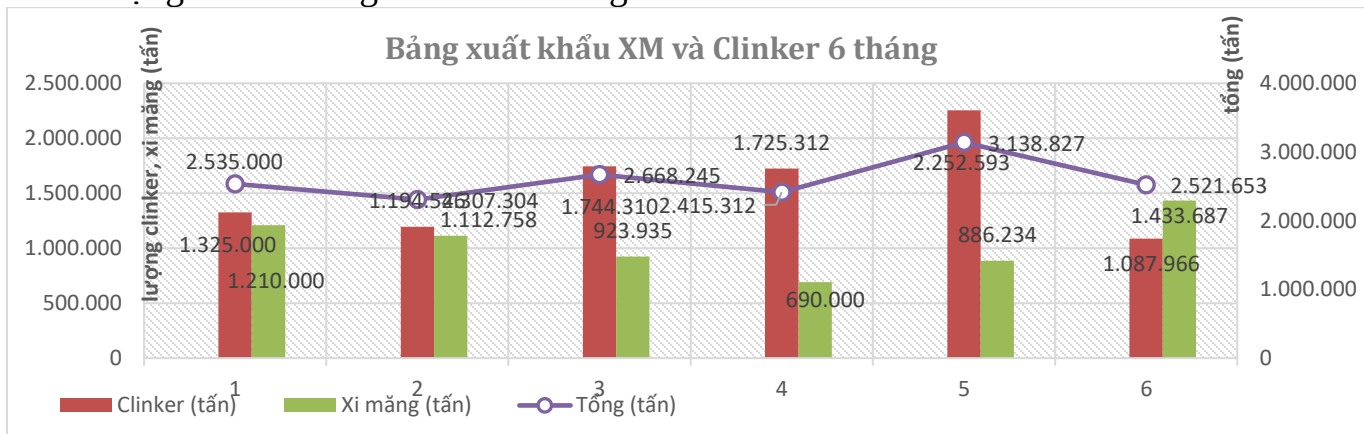
Về tiêu thụ xi măng: giảm do các dự án, công trình bị chậm hoặc giãn tiến độ và việc giải ngân đầu tư công còn gặp nhiều khó khăn.

Về giá xi măng: Giá xi măng vẫn ổn định như mức giá của tháng 5.

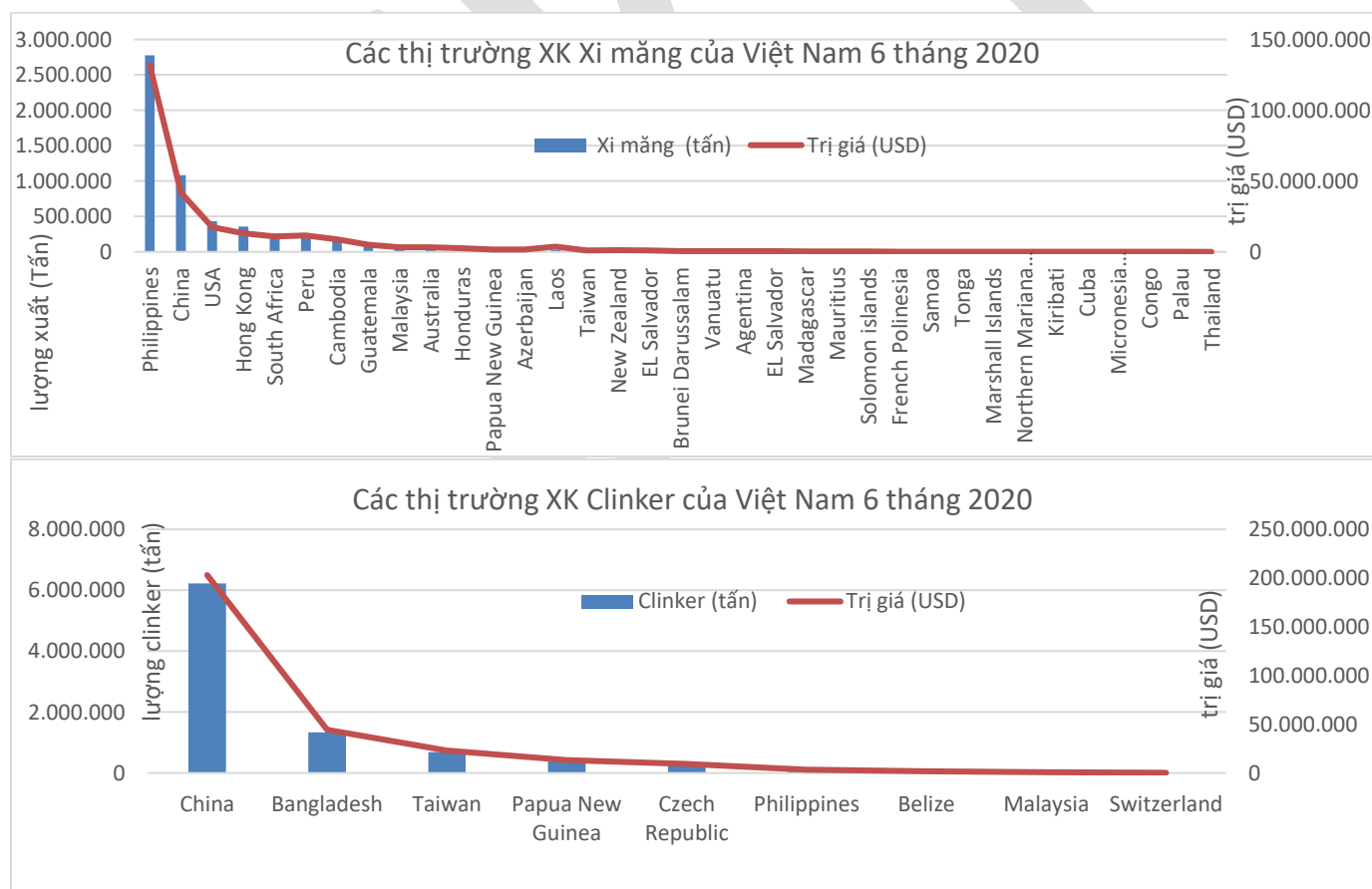
Tồn kho cuối tháng 6: Xi măng: 0.8 triệu tấn; clinker: 4,2 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK)

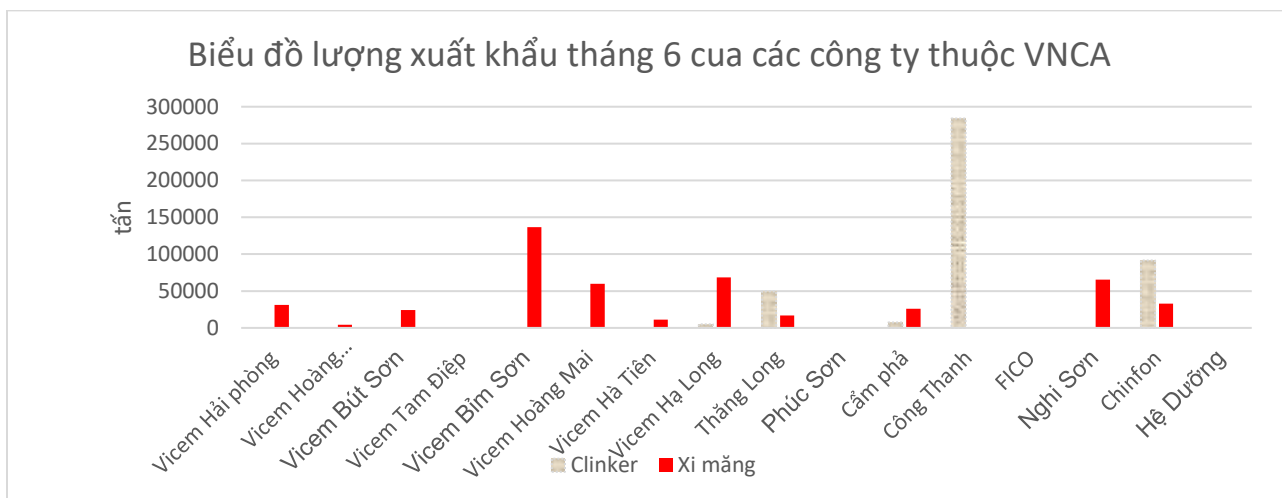
1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 6 như sau:



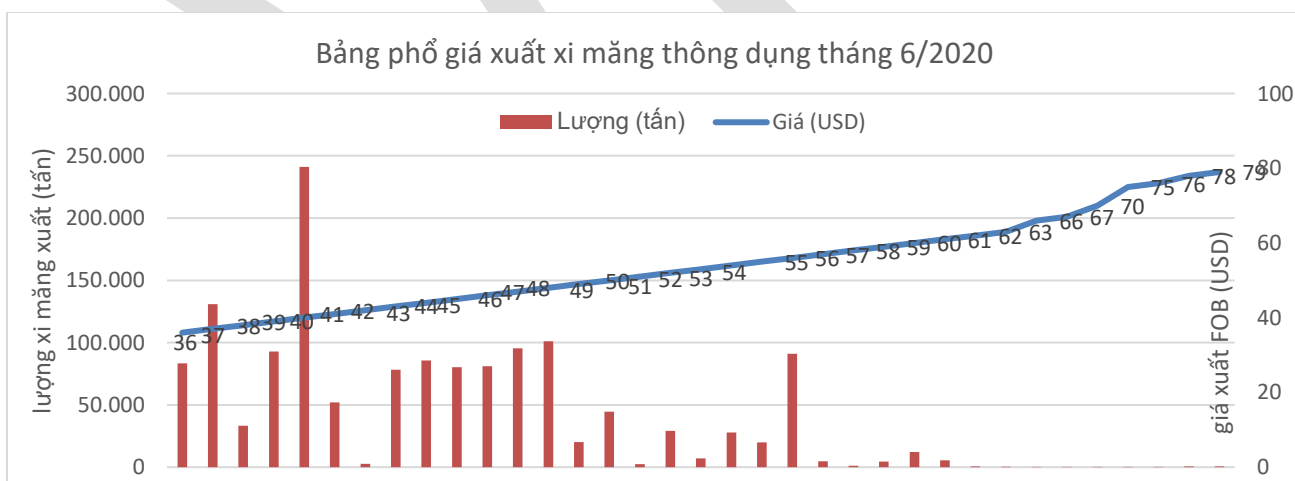
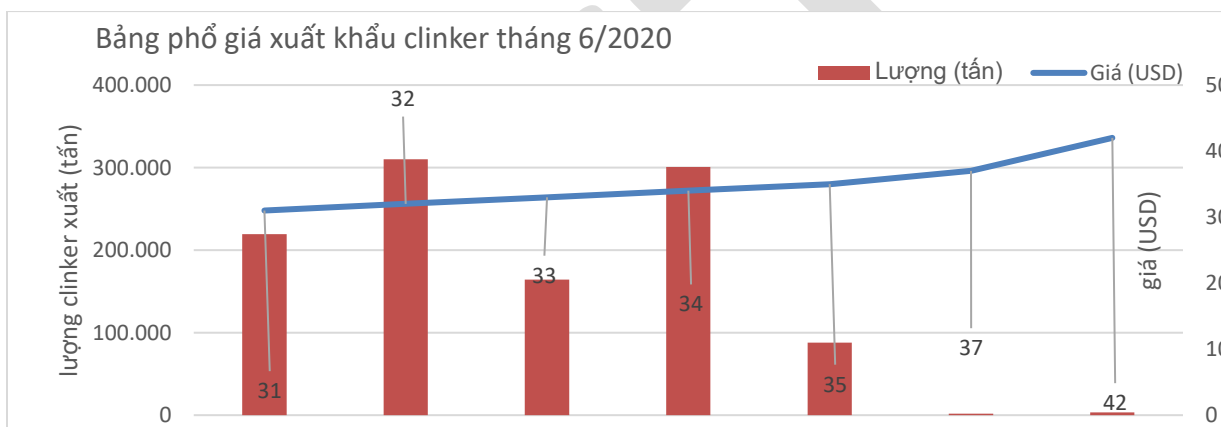
2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 6 tháng 2020:



3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:



4. Bảng phổ giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 6 như sau:



C- SX THÁNG 6/2020, KẾ HOẠCH THÁNG 7 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2020:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 6/2020	Lũy kế SX xi măng 2020	Kế hoạch TTNĐ T7/2020	Lũy kế TTNĐ năm 2020
A	Khối VICEM	2,146,525	11,690,601	1,848,000	10,114,679
1	Vicem Hải Phòng	130,000	728,619	183,000	1,083,843
2	Vicem Bim Sơn	282,446	1,645,065	244,000	1,521,963
3	Vicem Hoàng Thạch	287,780	1,576,750	354,000	1,903,190
4	Vicem Bút Sơn	302,000	1,586,052	250,000	1,522,006
5	Vicem Hà Tiên	552,800	2,977,515	579,000	3,019,276
6	Vicem Hải Vân	47,821	293,134		29,854
7	Vicem Hoàng Mai	161,200	782,400	121,000	576,700
8	Vicem Tam Điệp	120,154	663,961	20,900	34
9	Vicem Hạ Long	182,000	908,760	113,000	445,175
10	Vicem Sông Thao	80,324	528,345		12,638
B	Khối LD	1,501,231	9,605,488	1,457,390	8,151,592
1	XM Nghi Sơn	313,353	2,351,851	367,600	2,138,858
2	XM Chinfon	277,878	1,680,745	261,780	1,552,197
3	Siam City Cement	360,000	2,220,000	335,000	1,829,800
4	XM Luks(Vietnam)	120,000	670,000	110,000	506,000
5	XM Thăng Long	110,000	765,000	95,000	537,697
6	XM Hệ Dưỡng	30,000	212,892	24,010	166,688
7	SCG VN	230,000	1,320,000	210,000	1,185,343
8	XM Phúc Sơn	60,000	385,000	54,000	235,009
C	Khối các Cty xm khác	3,280,000	17,670,000	2,100,000	11,880,000
	Toàn XH: (A+B+C)	6,927,756	38,966,089	5,405,390	30,146,271

Đánh giá:

- TTNĐ tháng 6: 5.215.388 tấn bằng 92% so với cùng kỳ năm 2019, giảm 8% so với tháng 5/2020. Tổng TTNĐ 6 tháng năm 2020 đạt 30.146.271 tấn giảm 5% so với cùng kỳ 2019.
- Xuất khẩu tháng 6: 2.521.653 tấn (trong đó xi măng 1.433.687 tấn và clinker là 1.087.966 tấn) bằng 136% so với cùng kỳ 2019, bằng 80% so với tháng 5/2020. Tổng xuất khẩu xi măng và clinker 6 tháng năm 2020 đạt 15.586.341 tấn tăng 1% so với cùng kỳ 2019.
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 6: 7.737.041 tấn bằng 103% so với cùng kỳ năm 2019, bằng 88% so với tháng 5/2020. Tổng TTNĐ và XK 6 tháng năm 2020 đạt 45.732.612 tấn giảm 3% so với cùng kỳ.